

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2024

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KHCN) năm 2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là các đơn vị) xây dựng kế hoạch KHCN&ĐMST và dự toán ngân sách KHCN năm 2024 như sau:

PHẦN A: BỔ SUNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHCN CẤP QUỐC GIA NĂM 2023

Các đơn vị căn cứ mục tiêu, nội dung và sản phẩm của các Chương trình KHCN quốc gia đến năm 2025 và năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và tham khảo Danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia năm 2023 (kèm theo) để **bổ sung đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia năm 2023** theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014, Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ KHCN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Đề xuất bổ sung gửi trực tiếp cho Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi Bộ GDĐT qua email: vukhenmt@moet.gov.vn để tổng hợp, gồm bản scan và file điện tử.

PHẦN B: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN&ĐMST NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

I. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch KHCN&ĐMST năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2023

1. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và tương đương

Các đơn vị báo cáo tổng hợp về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và tương đương của đơn vị trúng tuyển, được giao trong thời gian nêu trên và thực hiện thống kê theo các biểu kèm theo đối với các loại nhiệm vụ sau:

- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia (bao gồm nhiệm vụ KHCN trúng tuyển/được giao, đặt hàng từ các chương trình quốc gia, các quỹ quốc gia, nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, dự án sản xuất thử nghiệm, ...);

- Chương trình KHCN cấp bộ;
- Đề tài KHCN cấp bộ (cả nhiệm vụ phục vụ quản lý);
- Nhiệm vụ nâng cao chất lượng tạp chí khoa học;
- Dự án duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm;
- Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu;
- Dự án đầu tư phát triển dành cho KHCN;
- Nhiệm vụ hợp tác quốc tế;
- Đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp bộ, tỉnh và tương đương khác tuyển chọn/đặt hàng hoặc giao trực tiếp.
- Các loại hình nhiệm vụ KHCN khác.

2. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện hoạt động KHCN&ĐMST cấp cơ sở

Các đơn vị báo cáo tổng hợp về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở và thực hiện thống kê theo các biểu kèm theo những nội dung sau:

- Tình hình triển khai thực hiện đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023: thống kê danh mục, kết quả, sản phẩm, kinh phí.

- Tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, đặc biệt là việc gắn kết nghiên cứu với đào tạo, hỗ trợ nghiên cứu sinh từ các nhiệm vụ/đề tài nghiên cứu khoa học.

- Hoạt động thông tin KHCN gồm công tác xuất bản ấn phẩm KHCN (công bố khoa học, tạp chí khoa học, sách, ...), xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN, hội nghị và hội thảo khoa học.

- Tình hình, kết quả chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh, hợp tác với doanh nghiệp.

- Hoạt động hỗ trợ và khởi nghiệp sáng tạo.
- Hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN;
- Hoạt động sở hữu trí tuệ;
- Hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.
- Hoạt động an toàn và bảo hộ lao động;

- Việc triển khai cơ chế tự chủ và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức KHCN (dành cho các đơn vị: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện Công nghệ sinh học – Đại học Huế và Viện Nghiên cứu Thiết kế Trường học).

- Các loại hình nhiệm vụ KHCN khác.

- Tình hình kinh phí cho hoạt động KHCN của đơn vị:

Các đơn vị thống kê báo cáo tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KHCN năm 2022, 2023 theo nhiệm vụ, hoạt động KHCN, gồm 2 nguồn: ngân sách nhà nước và nguồn khác (kinh phí trích từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị, kinh phí huy động từ các nguồn khác như từ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nguồn khai thác từ hợp tác quốc tế); Đánh giá tình hình sử dụng, tình hình giải ngân, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện tự chủ (về tài chính); những khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý tài chính, vướng mắc về những vấn đề kỹ thuật, nêu đề xuất kiến nghị các giải pháp khắc phục; thực hiện thống kê theo các biểu kèm theo; đặc biệt chú ý *thống kê kết quả xử lý tài sản, kết quả nghiên cứu hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ KHCN.*

3. Thống kê kết quả nổi bật của hoạt động KHCN&ĐMST của đơn vị

Các đơn vị thống kê kết quả nổi bật của hoạt động KHCN&ĐMST theo tiêu chí sau:

- Nhiệm vụ KHCN đã được đánh giá nghiệm thu, kết quả đã được công bố.

- Kết quả nghiên cứu có giá trị cao về khoa học, có đóng góp về học thuật, đào tạo nhân lực trình độ cao.

- Kết quả có khả năng ứng dụng và chuyển giao, có tác động nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành, lĩnh vực, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

II. Một số nội dung cần chú ý

1. Đối với báo cáo tổng hợp cần có nhận xét đánh giá về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi

nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại); tình hình sử dụng kinh phí, xử lý tài sản phát sinh; thuận lợi, khó khăn; kiến nghị và đề xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KHCN.

2. Thống kê nhiệm vụ KHCN năm 2022 và 2023 (cấp quốc gia, chương trình và nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng, các hoạt động khác theo các biểu yêu cầu).

3. Đối với các nhiệm vụ nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để được gia nhập hệ thống ACI, Scopus:

- Nhiệm vụ đã hoàn thành, đạt mục tiêu nhưng chưa tổng kết đánh giá: Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo đánh giá nghiệm thu, xây dựng báo cáo tổng kết, minh chứng và báo cáo Bộ GDĐT;

- Nhiệm vụ chưa hoàn thành, được gia hạn, đang trong thời gian thực hiện: Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo xây dựng báo cáo tình hình thực hiện, nêu rõ kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo, những nội dung, hoạt động chưa hoàn thành, kế hoạch hoạt động trong năm 2023; tình hình giải ngân kinh phí của dự án, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp, kiến nghị.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KHCN, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và dự án duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm sử dụng vốn sự nghiệp KHCN đã kết thúc năm 2022 hoặc sẽ kết thúc năm 2023 cần báo cáo chi tiết tình hình phân bổ dự toán, tình hình giải ngân, hiệu quả đầu tư.

5. Đối với đơn vị có phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung và kinh phí đã được hỗ trợ cho hoạt động của phòng thí nghiệm trong giai đoạn vừa qua, mức độ đáp ứng mục tiêu, tình hình thực hiện chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của phòng thí nghiệm; đề xuất giải pháp về mô hình tổ chức, quản lý, cơ chế tài chính (Đại học Bách khoa Hà Nội).

PHẦN C: ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024

1. Định hướng

Bộ Giáo dục và Đào tạo định hướng kế hoạch KHCN năm 2024 tập trung vào các mục tiêu sau:

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong hệ thống Web of Science/Scopus và ACI.
- Tăng số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, tài sản trí tuệ được bảo hộ;
- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn đời sống, sản xuất kinh doanh;
- Ưu tiên nghiên cứu, phát triển ứng dụng để chủ động tham gia cuộc cách mạng

công nghiệp lần thứ tư;

- Xây dựng một số *mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp*; khuyến khích các đơn vị thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; doanh nghiệp KHCN¹;

- Gắn kết hoạt động nghiên cứu với đào tạo trình độ cao thông qua nhóm nghiên cứu mạnh, góp phần tích cực nâng hạng đại học trong bảng xếp hạng đại học khu vực và thế giới.

2. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ KHCN

2.1. Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia (chương trình quốc gia, quỹ quốc gia) và nhiệm vụ do các bộ/ngành khác tuyển chọn, đặt hàng

Các đơn vị thực hiện đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ KHCN và các bộ, ngành, tỉnh tuyển chọn, đặt hàng;

Đối với đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình KHCN hiện đang có hiệu lực, các đơn vị gửi trực tiếp về Bộ KHCN, đồng thời gửi Bộ GDĐT tổng hợp gửi Bộ KHCN theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ KHCN.

2.2. Nhiệm vụ KHCN cấp bộ của Bộ GDĐT

Các nhiệm vụ KHCN có sản phẩm được xem xét ưu tiên theo thứ tự sau:

- Đề tài/nhiệm vụ ưu tiên về khoa học giáo dục;
- Có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong hệ thống Web of Science/Scopus/ACI; có hỗ trợ đào tạo tiến sĩ, đào tạo thạc sĩ;
- Có kết quả đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả nghiên cứu có cam kết của doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn;
- Có kết quả, sản phẩm phục vụ xây dựng cơ chế chính sách, giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế-xã hội,
- Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao.

a) Chương trình KHCN cấp Bộ

Năm 2024, Bộ GDĐT không mở mới chương trình KHCN cấp bộ. Các đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình KHCN cấp bộ đã được phê duyệt, bảo đảm yêu cầu về tiến độ và chất lượng.

b) Đề tài KHCN cấp Bộ

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, Bộ GDĐT dự kiến mở mới số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2024 tương đương năm 2023 và đề tài ưu tiên về khoa học giáo dục.

¹ Triển khai Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Các đơn vị triển khai thực hiện theo Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc giao số lượng đề tài KHCN cấp bộ năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc và công văn số 823/BGDĐT-KHCNMT ngày 02/3/2023 hướng dẫn về việc đề xuất đề tài cấp bộ năm 2024; đồng thời đôn đốc các chủ nhiệm đề tài thực hiện đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng các đề tài đã được phê duyệt theo quy định.

c) Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học

- Đối với năm 2024, dự báo ngân sách KHCN vẫn tiếp tục gặp khó khăn nên Bộ GDĐT không xem xét, hỗ trợ nhiệm vụ nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, đề nghị các đơn vị căn cứ Quyết định 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế về tạp chí khoa học, đánh giá kỹ thực trạng, cân đối nguồn lực và triển khai thực hiện việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của đơn vị mình hướng theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế về chất lượng và đạo đức trong xuất bản khoa học.

- Các đơn vị có dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học đã được phê duyệt cần quan tâm đẩy mạnh tiến độ thực hiện theo thuyết minh đã được phê duyệt.

d) Thương cho các công trình khoa học

Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học: "... chi thưởng bằng mức lương thấp nhất bình quân cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng", Bộ GDĐT sẽ ban hành quy định thực hiện chi thưởng công trình khoa học có giá trị, sáng chế, GPHI, giống cây trồng có trong năm 2023. Các đơn vị chú ý việc thống kê, kê khai đầy đủ, chính xác, cập nhật thông tin liên quan đến các công trình khoa học trên trang web của đơn vị để Bộ GDĐT và các bên liên quan tra cứu, tham khảo, đồng thời sẵn sàng báo cáo dữ liệu khi có yêu cầu.

d) Công tác duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm phục vụ hoạt động KHCN:

Đối với năm 2024, dự báo ngân sách KHCN vẫn tiếp tục gặp khó khăn nên Bộ GDĐT không xem xét, hỗ trợ nhiệm vụ này. Bộ GDĐT đề nghị các đơn vị cân đối, ưu tiên nguồn kinh phí tự có để thực hiện những hạng mục duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm thật sự cần thiết và cấp bách.

e) Kinh phí chi thường xuyên của các tổ chức KHCN và kinh phí hỗ trợ Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia

Các tổ chức KHCN thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Bộ GDĐT về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo theo công văn này các nội dung và kinh phí đề xuất cho năm 2024 để tổng hợp vào kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

g) Xây dựng các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập doanh nghiệp KHCN, quỹ KHCN

Bộ GDĐT khuyến khích các đơn vị có năng lực, tiềm lực đề xuất xây dựng đề án thành lập trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp KHCN, quỹ khoa KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Nghị định 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Ban hành quy định về Liêm chính học thuật

Bộ GDĐT đề nghị các đơn vị xây dựng, ban hành quy định về Liêm chính học thuật phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế.

i) Kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ

Các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, từng bước chấm dứt tình trạng chậm muộn; từ năm 2024, Bộ GDĐT xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện chính sách pháp luật về KHCN, trong đó có việc thực hiện Nghị định 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ; các nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp cơ sở của các đơn vị.

Bộ GDĐT thông báo tới các đơn vị về định hướng hoạt động KHCN để các đơn vị chủ động chỉ đạo xây dựng báo cáo đánh giá, đề xuất các nhiệm vụ kế hoạch KHCN năm 2024, hoàn thiện các phụ lục và gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) **trước ngày 10/6/2023** để kịp thực hiện công tác tổng hợp kế hoạch.

Lưu ý: Báo cáo và các phụ lục chỉ gửi bản scan và file (định dạng word hoặc excel) qua eoffice hoặc email vukhenmt@moet.gov.vn, không gửi bản in. Thông tin chi tiết liên hệ: ông Nguyễn Văn Châu, SĐT: 0912337219, email: nvchau@moet.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ KHCN (để phối hợp);
- Vụ KHTC, Vụ GDDH;
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHCNMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

Phụ lục 1

Biểu TK1-1

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Lĩnh vực khoa học	Ghi chú
I	Số bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách WoS, Scopus, bài quốc tế khác, bài hội thảo, ...</i>
1	Bài báo WoS			
2	Bài báo Scopus			
3	Bài báo quốc tế khác			
4	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước			
5	Số sách (chuyên khảo, tham khảo), giáo trình			
6	Ấn phẩm khoa học khác			<i>Ghi chú rõ</i>
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương;

kt

				từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

Set

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Set

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1

Biểu TKI-3

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
(CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÁN HỌC)**

STT	Tên Chương trình	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					
3					
...					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 1
Biểu TK1-4**NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN**

Số TT	Tên tổ chức khoa học và công nghệ	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2023						Kinh phí chi nhiệm vụ thườn xuyên năm 2022 (Tr. đ)		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH				Từ NSNN	Từ nguồn tự chủ		
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Biểu TK1-4 dành cho :

- Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
- Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán.
- Viện Công nghệ sinh học – Đại học Huế

¹ Mức độ tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH, CN&ĐMST
NĂM 2022 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị		
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị		
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		

fat

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

Set

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mỗi ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Triệu đồng		

Bộ
Đơn vị:

Phụ lục 2
Biểu TK2-1

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024
CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH (NẾU CÓ)
(CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÁN HỌC)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2024	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2024										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mở mới 2024										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

Bộ
Đơn vị:

Phụ lục 2
Biểu TK2-2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2023	Dự toán năm 2024	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2024	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2024										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mở mới 2024										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										